

TUẦN 13

Tiết 2

Toán

GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: - Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.
2. Kỹ năng: - Áp dụng nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 để giải các bài toán có liên quan.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	- Tính: a) 217×11 b) 217×9	-2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Phép nhân 27×11	- GV nhận xét, đánh giá. Giới thiệu bài, ghi bảng. - GV viết bảng phép tính: 27×11 - Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính.	-Lắng nghe, thực hiện. - HS đọc phép tính. - 1HS lên bảng, cả lớp làm nháp. $\begin{array}{r} 27 \\ \times 11 \\ \hline 27 \\ 27 \\ \hline 297 \end{array}$
	2.3. Phép nhân 48×11	- Nhận xét về tích riêng của phép nhân trên? - Yêu cầu HS nêu các bước thực hiện cộng hai tích riêng phép nhân 27×11 . - Yêu cầu HS nhận xét về kết quả của phép nhân $27 \times 11 = 297$ so với số 27. Các chữ số giống và khác nhau ở điểm nào? - GV hướng dẫn cách nhân nhẩm 27 với 11 . - GV viết lên bảng phép tính: 48×11 . - Yêu cầu HS áp dụng cách nhân nhẩm 27×11 để nhân nhẩm 48×11 . - Gọi 1HS lên bảng đặt tính và thực hiện phép tính trên.	- Hai tích riêng của phép nhân 27×11 đều bằng 27. - Nêu. - Số 297 chính là số 27 sau khi được viết thêm tổng hai chữ số của nó vào giữa. - Nghe và ghi nhớ. - HS đọc phép tính. - HS nhân nhẩm và nêu cách nhân nhẩm của mình. - 1HS lên bảng làm bài. $\begin{array}{r} 48 \\ \times 11 \\ \hline 48 \\ 48 \\ \hline 528 \end{array}$

3'	<p>2.4. Luyện tập</p> <p>Bài 1. Tính nhẩm</p> <p>Bài 3. Giải toán có lời (SGK-t 71)</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét gì về hai tích riêng của phép nhân 48×11? - Yêu cầu HS nêu rõ bước thực hiện cộng hai tích riêng phép nhân 48×11. - GV giới thiệu cách nhân nhẩm 48×11. - Yêu cầu HS nêu lại cách nhân nhẩm 48×11. - Yêu cầu HS tự nhẩm và ghi kết quả vào vở. - Gọi HS nêu cách nhân nhẩm. - GV nhận xét, chữa bài. - Gọi HS đọc đầu bài. - Yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét, đánh giá. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau. 	$\frac{48}{528}$ <ul style="list-style-type: none"> - Hai tích riêng của phép nhân 48×11 đều bằng 48. - HS nêu. - Nghe và ghi nhớ. - Nêu lại. - Làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài nhau. - 3HS nêu. - Đọc. - Làm bài. <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số học sinh của khối lớp Bốn là: $11 \times 17 = 187$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh của khối lớp Năm là: $11 \times 15 = 165$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh của hai khối lớp là: $187 + 165 = 352$ (học sinh)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 352 học sinh</p> <p>- Lắng nghe, thực hiện.</p>
----	--	--	--

Tiết 1**Toán**
NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: - Biết cách nhân với số có ba chữ số.
2. Kỹ năng: - Tính được giá trị của biểu thức.
3. Thái độ: - Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng :

- Giáo viên: Phiếu HT, Bảng phụ.
- Học sinh: SGK, VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy- học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ	- Tìm x: a) $x : 11 = 25$ b) $x : 11 = 78$ - GV nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng làm bài.
33'	2. Bài mới 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Phép nhân 164×123	- Giới thiệu bài, ghi bảng. - GV viết bảng phép tính: 164×123 - Yêu cầu HS áp dụng tính chất một số nhân với một tổng để tính. - Vậy 164×123 bằng bao nhiêu? - Dựa vào cách đặt tính nhân với số có hai chữ số, bạn nào có thể đặt tính 164×123 . - GV nêu cách đặt tính đúng. - GV hướng dẫn thực hiện phép nhân.	- Lắng nghe, thực hiện. - HS đọc phép tính. - 1HS lên bảng, cả lớp làm nháp. 164×123 $= 164 \times (100 + 20 + 3)$ $= 164 \times 100 + 164 \times 20 + 164 \times 3$ $= 16400 + 3280 + 492$ $= 20172$ - $164 \times 123 = 20172$ - 1HS lên bảng đặt tính, cả lớp đặt tính vào nháp. - Nghe. - Theo dõi.
		$\begin{array}{r} 164 \\ \times 123 \\ \hline 492 \\ 328 \\ 164 \\ \hline 20172 \end{array}$	

<p>3'</p>	<p>2.3. Luyện tập Bài 1. Đặt tính rồi tính.</p> <p>Bài 3. Giải toán có lời (SGK-t 73)</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<p>- GV giới thiệu: 492 là tích riêng thứ nhất. 328 là tích riêng thứ hai. Tích riêng thứ hai được viết lùi sang bên trái một cột vì nó là 328 chục, nếu viết đầy đủ phải là 3280. 164 gọi là tích riêng thứ ba. Tích riêng thứ ba được viết lùi sang bên trái hai cột vì nó là 164 trăm, nếu viết đầy đủ phải là 16400.</p> <p>- Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện lại phép nhân 164×123.</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- GV nói: Các phép tính trong bài đều là các phép nhân với số có ba chữ số, thực hiện tương tự như với phép nhân 164×123.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở.</p> <p>- Yêu cầu 3HS lên bảng nêu lại cách thực hiện phép tính.</p> <p>- GV nhận xét, chữa bài.</p> <p>- Gọi HS đọc đầu bài.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- Nghe và ghi nhớ.</p> <p>- 1HS lên bảng làm.</p> <p>- Đặt tính rồi tính.</p> <p>- Nghe.</p> <p>- 3 HS lên bảng làm bài.</p> <p>- Nêu.</p> <p>- Đọc.</p> <p>- 1HS lên bảng, cả lớp làm vở.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Diện tích của mảnh vườn là: $125 \times 125 = 15625 (m^2)$ Đáp số: $15625 m^2$</p> <p>- Lắng nghe, thực hiện.</p>
-----------	---	--	---